

Bản án số: 50/2022/HNGĐ-ST

Ngày 16 - 8 - 2022

V/v “ Không công nhận
quan hệ vợ chồng ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG PHÚ- TỈNH BÌNH PHƯỚC

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà:* Bà Lê Thị Hương Trâm
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đăng Thường
Bà Hoàng Thị Minh
- *Thư ký ghi biên bản phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Hoài Thương - cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước:* Bà Đỗ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 124/2022/TLST -HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 01/8/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Phạm Thị Th**, sinh năm 1978 (xin vắng mặt)
Trú tại: Tổ 9, khu phố Thạch M, xã Tân L, H.Đồng Ph, tỉnh Bình Ph.
- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Tấn S**, sinh năm 1961 (xin vắng mặt)
Trú tại: Tổ 01, ấp Thạch M, xã Tân L, H.Đồng Ph, tỉnh Bình Ph.

NHẬN THẤY:

** Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị Th trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th và anh Nguyễn Tấn S chung sống với nhau một cách tự nguyện vào năm 2002 và có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Sau đám cưới, chị Th và anh S sinh sống tại ấp Thạch M, xã Tân L, huyện Đồng Ph, tỉnh Bình Ph. Trong quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến đầu năm 2008 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do vợ chồng không có tiếng nói chung, không tin tưởng nhau về tình cảm, ông Sinh có quan hệ ngoài hôn nhân nên dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Từ năm 2009 đến nay, chị Th và anh S sống ly thân. Nay, chị Th xác định tình cảm giành cho anh S đã hết nên chị Th yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Nguyễn Tấn S.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên là Nguyễn Phạm Trung T, sinh năm 2004. Do cháu Tín đã trên 18 tuổi nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Tấn S trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: anh S và chị Th chung sống và tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Quá trình chung sống, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Từ năm 2009 đến nay, chị Th và anh S sống ly thân. Nay, anh S xác định tình cảm giành cho chị Th đã hết nên trước yêu cầu ly hôn của chị Th thì anh S cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên là Nguyễn Phạm Trung T, sinh năm 2004. Do cháu Tín đã trên 18 tuổi nên anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra không còn yêu cầu nào khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Phú kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ 2014, điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-HĐTP ngày 09/6/2000: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn chị Phạm Thị Th và bị đơn anh Nguyễn Tấn S.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của các bên đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn là chị Phạm Thị Th yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh Nguyễn Tấn S và không yêu cầu Tòa án giải quyết con chung, tài sản chung. Vì vậy, đây là vụ án “*Ly hôn*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2.2. Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bị đơn anh Nguyễn Tấn S có nơi cư trú tại ấp Thạch Màng, xã Tân Lợi, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã giao Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật nhưng nguyên đơn và bị đơn đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, cần áp dụng Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị Phạm Thị Th và anh Nguyễn Tấn S.

[2] Về nội dung vụ án:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Th và anh Nguyễn Tấn S chung sống với nhau một cách tự nguyện vào năm 2002 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý”. Vì vậy, quan hệ giữa chị Phạm Thị Th và anh Nguyễn Tấn S không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Quá trình chung sống, chị Phạm Thị Th và anh Nguyễn Tấn S hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, không có sự cảm thông, chia sẻ với nhau. Từ năm 2009 đến nay, chị Th và anh S đã sống ly thân, không còn quan hệ về tình cảm và kinh tế. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc không công nhận chị Phạm Thị Th và anh Nguyễn Tấn S là vợ chồng theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-HĐTP ngày 09/6/2000 là phù hợp.

2.2. Về con chung: Quá trình chung sống có 01 con chung tên là Nguyễn Phạm Trung T, sinh năm 2004. Do cháu Tín đã trên 18 tuổi nên chị Th và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Th và anh S thống nhất không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm đương sự phải chịu theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000; khoản 2 Điều 53 Luật HNGĐ 2014, điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/NQ-HĐTP ngày 09/6/2000;

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa nguyên đơn chị Phạm Thị Th và bị đơn anh Nguyễn Tấn S.

2. Về con chung, tài sản chung và các vấn đề khác: không xem xét do không có yêu cầu.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng chị Phạm Thị Th phải nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0018851 ngày 21/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Đồng Phú;
- THA huyện Đồng Phú;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm Phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hương Trâm